

**-TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày: 20/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lầu A Vàng**

2. Ông: **Lường Văn Vui.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 23/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐ-HĐXX ngày 03/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn Q;** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 2000, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: **Lường Văn Y**, sinh năm: 1972; Họ và tên mẹ: **Ngần Thị Yêu**; Sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 10/12/2019 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo **Lường Văn Q:** Bà **Lò Thị Khánh H**, sinh năm 1982; chức danh: Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

Các bị hại: Ông **Lường Văn Y**, Sinh năm: 1972 và bà **Ngần Thị Y1**, Sinh năm: 1975;

Đều trú tại: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được bà Ngần Thị Y1 ủy quyền là ông: Ông **Lường Văn Y**

Trú tại: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Lường Văn L**, sinh năm 1978.

Trú tại: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lường Văn Q được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/12/2019 tại quán bán hàng tạp hóa cũ của gia đình thuộc Bản K, xã X, huyện M Lường Văn Q đã có hành vi trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au) của bố mẹ đẻ là Lường Văn Y và Ngân Thị Y1, trị giá 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*) đem đi cầm cố được 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) để tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 11 giờ ngày 08/12/2019 Lường Văn Q đi xuống nhà cũ (Trước đây là quán bán hàng tạp hóa của gia đình) cách khoảng 10 m để tìm cơm ăn, khi đến không thấy có cơm, Q đến chỗ tủ đựng quần áo của bố, mẹ thấy tủ không khóa, Q mở cánh tủ ra, dùng tay phải lục soát quần áo để tìm tài sản thì nhìn thấy một dây chuyền vàng, có mắt xích hình bầu dục lồng nối với nhau, giữa hai đầu dây được nối với nhau bằng móc khóa hình chữ S, trên móc khóa có dập chữ in hoa AMTN. Q lấy sợi dây chuyền vàng cho vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết ra ngoài Bản C, xã B cầm cố. Khi đi đến cầu Búng Lao Q xuống xe và tiếp tục đi bộ đến tiệm vàng bạc L Bốn tại Trung tâm khu Bản C, xã B cầm cố sợi dây chuyền với anh Lường Văn L được 2.000.000đ. Sau khi có tiền, Q mua 01 chiếc áo khoác mùa đông hết 1.300.000đ và mua đồ ăn nước uống hết 180.000đ. Sau đó Q ngủ lại ở nhà chú họ là Lường Văn T, trú tại Bản K, xã X. Đến khoảng 08 giờ ngày 10/12/2019 mẹ đẻ của Q là bà Ngân Thị Y1 đến nhà anh T gặp Q và hỏi Q có lấy sợi dây chuyền vàng của bố mẹ không? Q đã thừa nhận được lấy sợi dây chuyền vàng, mang đi cầm cố. Sau đó bố đẻ của Q là ông Lường Văn Y đã báo Công an xã X về việc con trai ông là Lường Văn Q lấy trộm tài sản của gia đình.

Tại bản kết luận giám định số 7454 ngày 16/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, được chế tác kiểu các mắt xích hình bầu dục lồng nối với nhau, giữa hai đầu dây được nối với nhau bằng móc khóa hình chữ S, trên móc khóa có dập chữ in hoa AMTN có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au: 99,83%.

Ngày 17/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Mường Ảng đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 02/YCĐGTS và tại bản Kết luận giá trị tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng có giá trị hiện tại 8.200.000 đồng.

Tại đơn đề nghị của ông Lường Văn Y – bị hại, người được bị hại ủy quyền: Xin nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lường Văn L đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKSMA ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lường Văn

Q về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn Q từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Phản bồi thường thiệt hại do người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng điểm b Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan công an huyện Mường Ảng và bị hại ông Lương Văn Y.

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 520.000đ của Lương Văn Q.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

** Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.*

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị HĐXX xem xét, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo Q nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa, bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo cũng chấp nhận giá trị tài sản 8.200.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại - đại diện theo ủy quyền của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:* Bị cáo, bị hại - người được bị hại ủy quyền và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai thể hiện rõ quan điểm của mình nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Lường Văn Q công nhận Khoảng 11 giờ ngày 08/12/2019 tại quán bán hàng tạp hóa cũ của gia đình thuộc Bản K, xã X, huyện M Lường Văn Q đã có hành vi trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au) của bố mẹ đẻ là Lường Văn Y và Ngân Thị Y1, trị giá 8.200.000đ (*Tám triệu hai trăm nghìn đồng*) đem đi cầm cố được 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) để tiêu sài cá nhân.

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lường Văn Q đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lường Văn Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Lường Văn Q sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho đi học đến lớp 9/12 ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Ngày 08/12/2019 bị cáo có hành vi Trộm cắp tài sản là 01 sợi dây chuyền vàng của bố mẹ đẻ bị cáo. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục là đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Ông Lường Văn Y đã nhận lại được sợi dây chuyền có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã tác động

gia đình trả số tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn L. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

[5] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với phần bồi thường thiệt hại ông Y là bị hại – người được bị hại ủy quyền đã nhận lại được sợi dây chuyền và không yêu cầu bị cáo bồi thường; Anh L khi cầm cố sợi dây chuyền vàng với giá 2.000.000đ nhưng không biết đó là tài sản do Q trộm cắp mà có, anh đã nhận đủ số tiền 2.000.000đ của gia đình bị cáo và không có đề nghị bồi thường gì khác, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền 520.000đ của Lương Văn Q, do ông Y không yêu cầu bị cáo bồi thường nên xét thấy số tiền này do Q thu lợi bất chính mà có cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lương Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nhưng bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí HSST sơ thẩm cho bị cáo.

[9]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS bị cáo đã tác động gia đình đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[10]. Bị cáo; Bị hại – người được bị hại ủy quyền, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 328 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lương Văn Q 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng kể từ ngày 20/4/2020.

Giao bị cáo Lương Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019;

Lương Văn Q có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Lương Văn Q khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã X được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân xã X phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Lương Văn Q khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp Lương Văn Q vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp Lương Văn Q thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự .

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Văn Q đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Chấp nhận sự tự nguyện, thỏa thuận bồi thường của bị cáo Q và ông Y, ông L.

3. *Vật chứng:* Áp dụng điểm b Khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS.

Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và ông Lương Văn Y.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 520.000đ (Năm trăm hai mươi nghìn đồng) của Lương Văn Q.

(Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/02/2020).

4. *Án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn Q.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, ông Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã X;
- Bị cáo; Dương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân